



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thuốc sát trùng Cần Thơ

Ngày 31/12/2025	17,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.3%	0.6%	2.3%

DT thuần Q4/25
80.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 64.3 407%
YoY: ▼ 3.60 -4.3%

LN thuần Q4/25
3.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.71 468%
YoY: ▲ 2.78 546%

LN sau thuế Q4/25
2.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.12 461%
YoY: ▲ 2.24 660%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
7.0%
YoY: +/- ▼ 1.2%

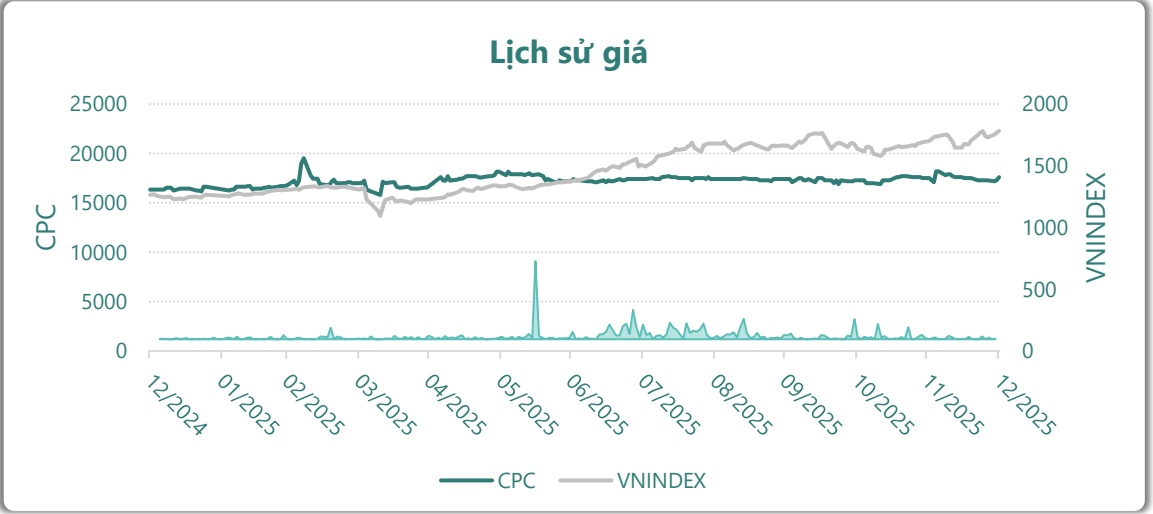
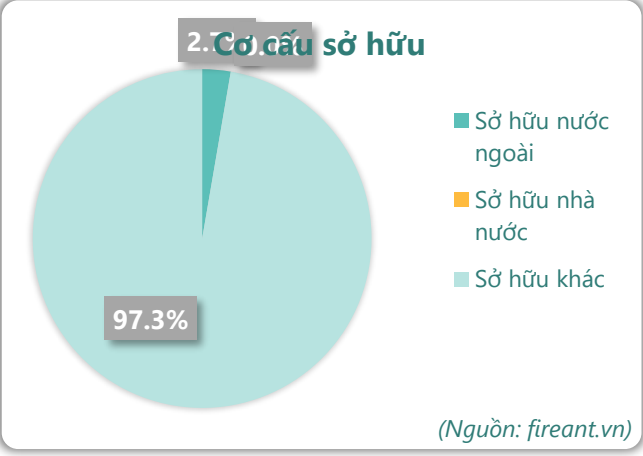
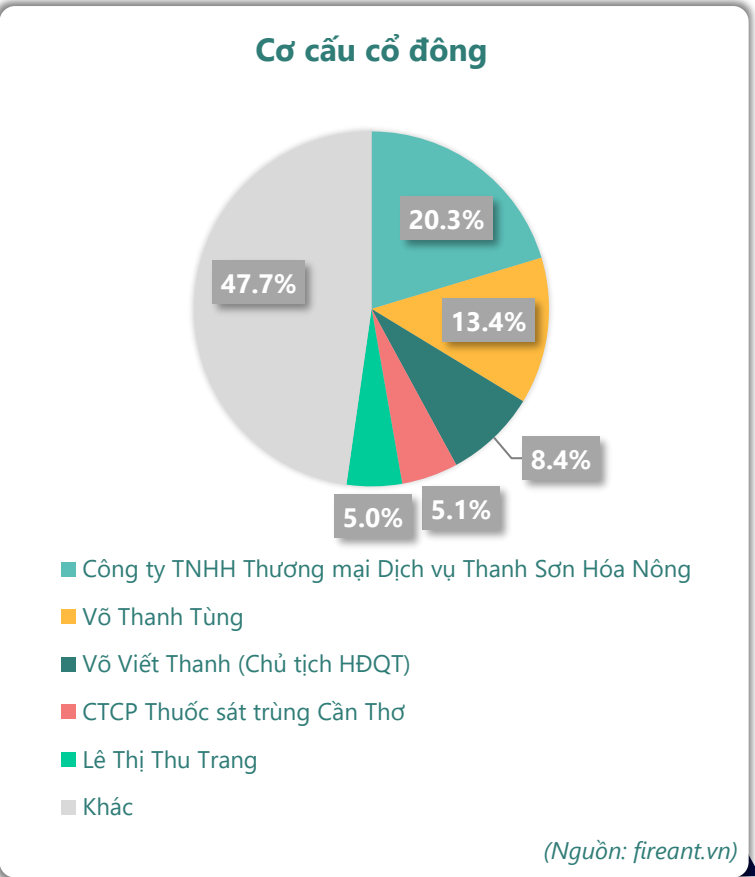
ROE 2025
10.4%
YoY: +/- ▼ 1.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	15,802 - 19,526
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	72
Số lượng CPLH (CP)	4,081,450
KLGD BQ 20 phiên (CP)	300
Sở hữu nước ngoài	2.7%
Beta	0.04
EPS	2,196
P/E	8.0

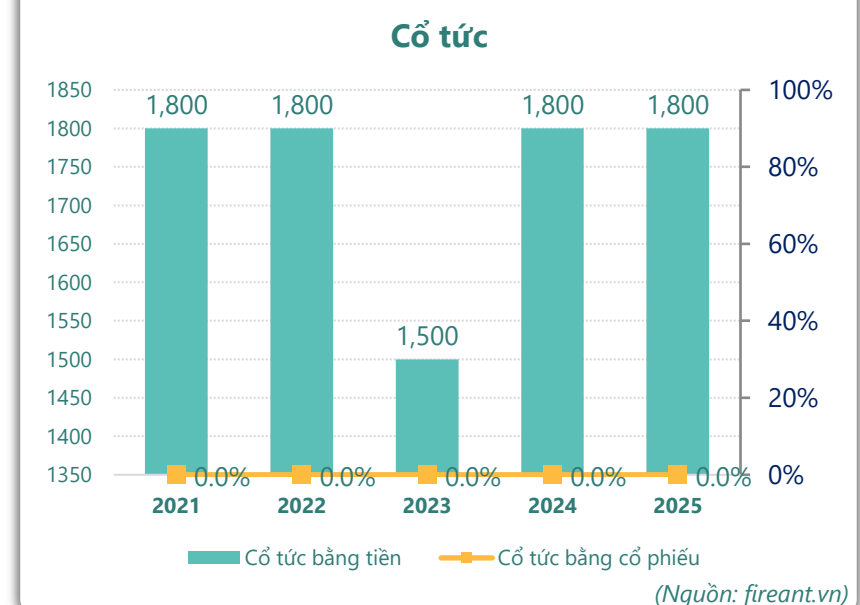
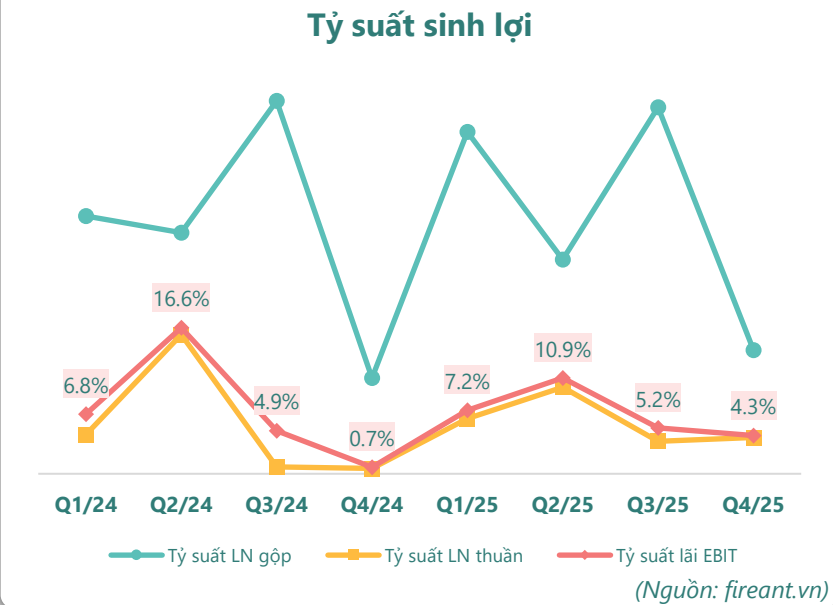
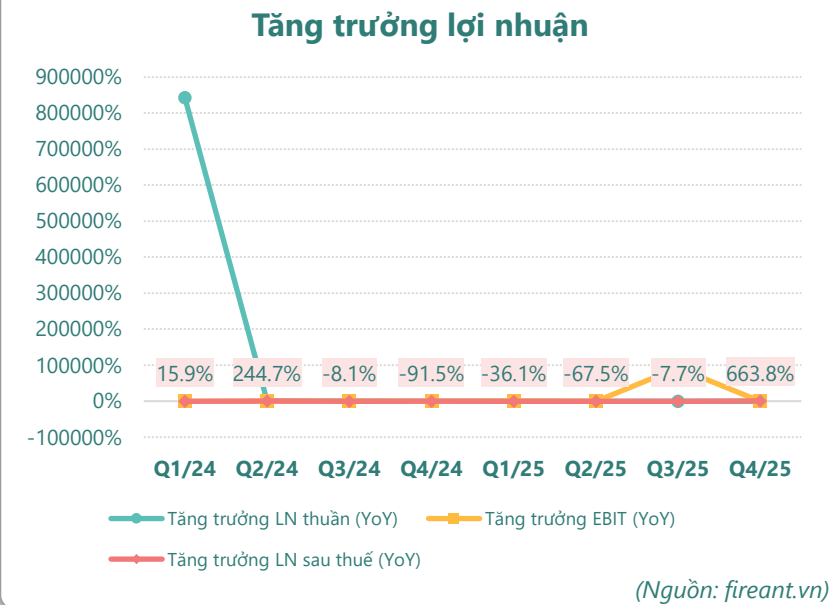
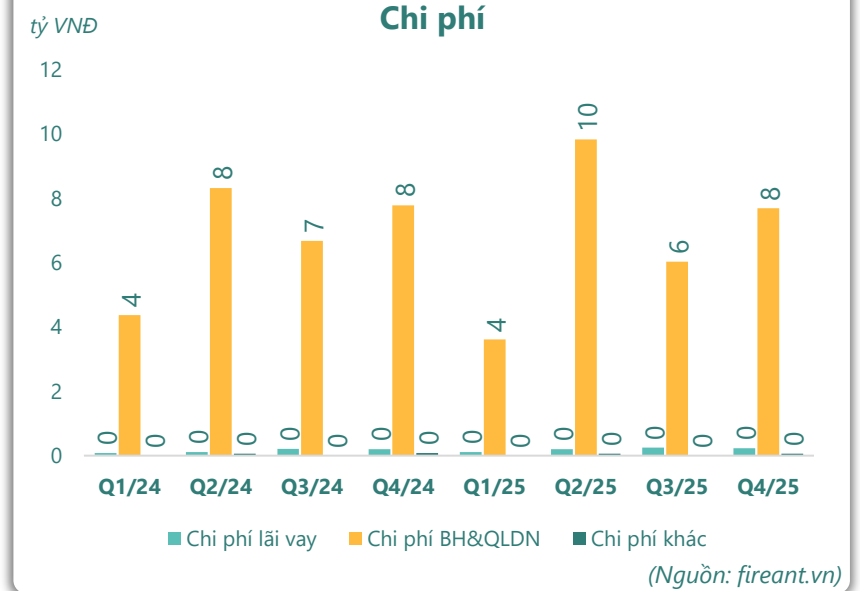
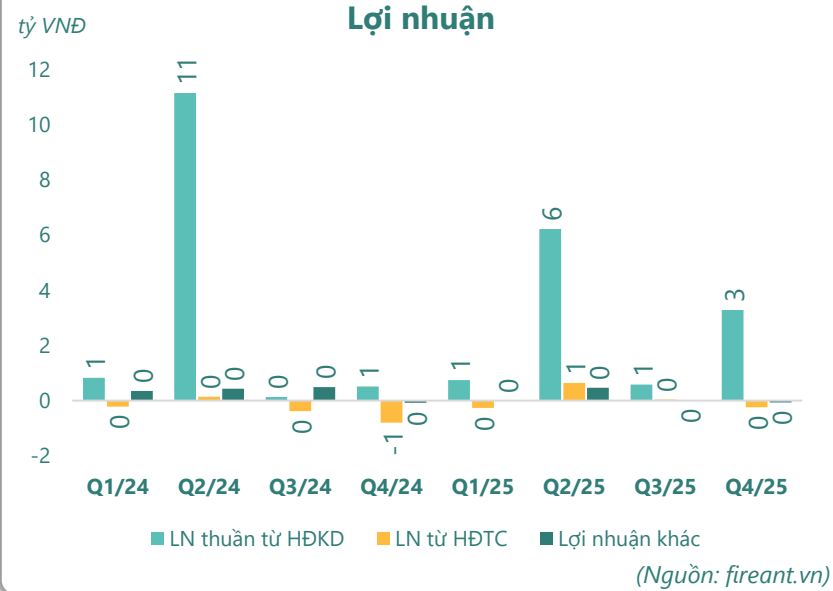
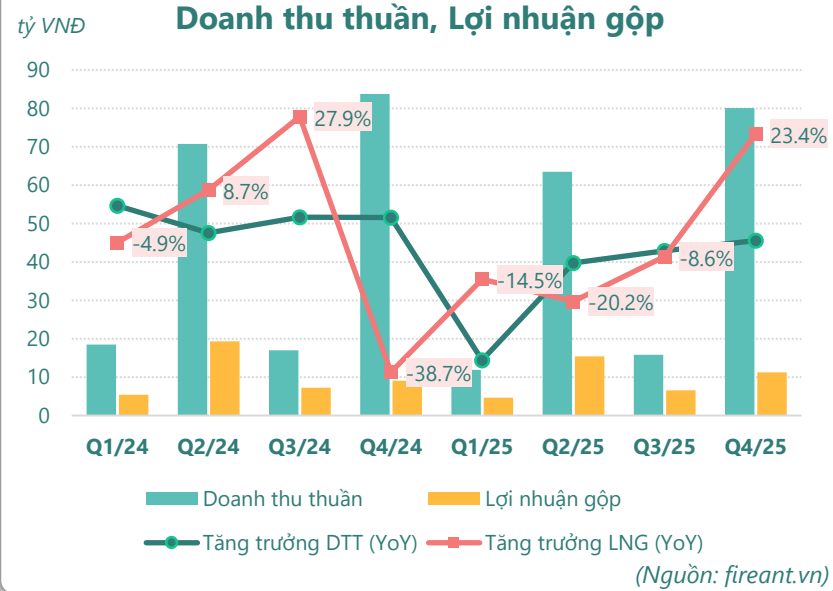
DT thuần 2025
171
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 19.0 -9.8%

LN thuần 2025
10.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 3.30 -23.1%

LN sau thuế 2025
8.96
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1.04 -10.4%



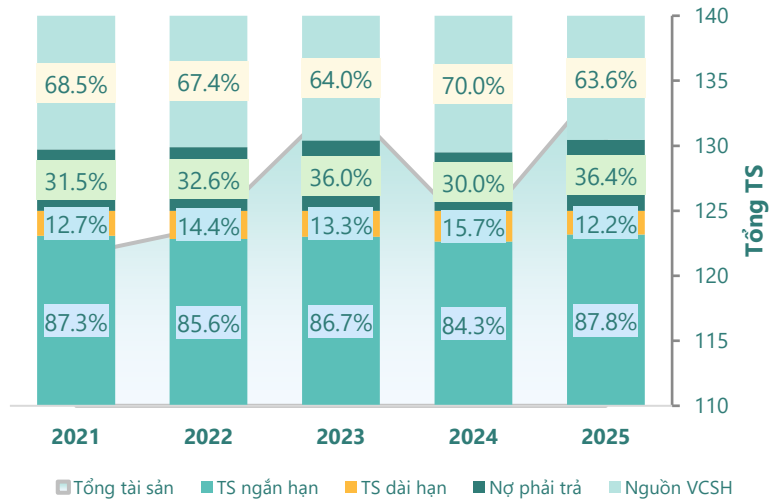
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

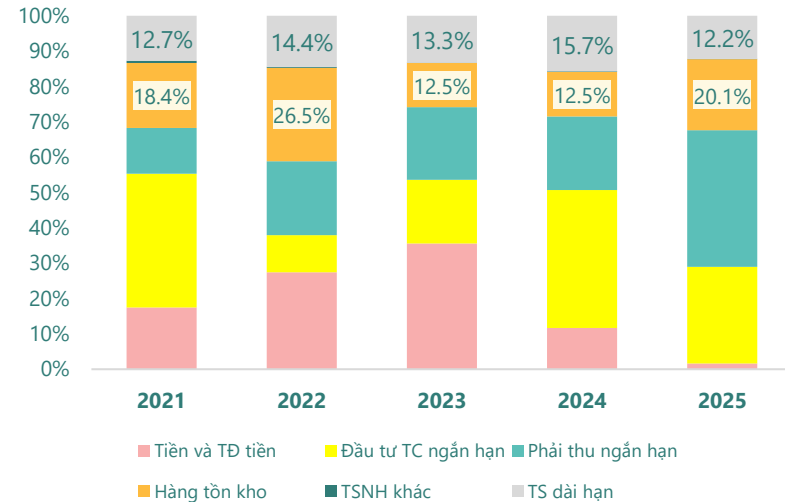
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

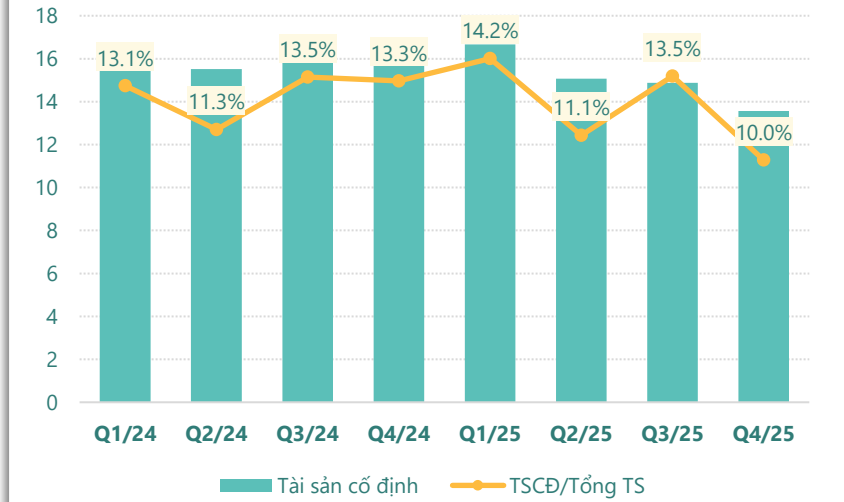
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

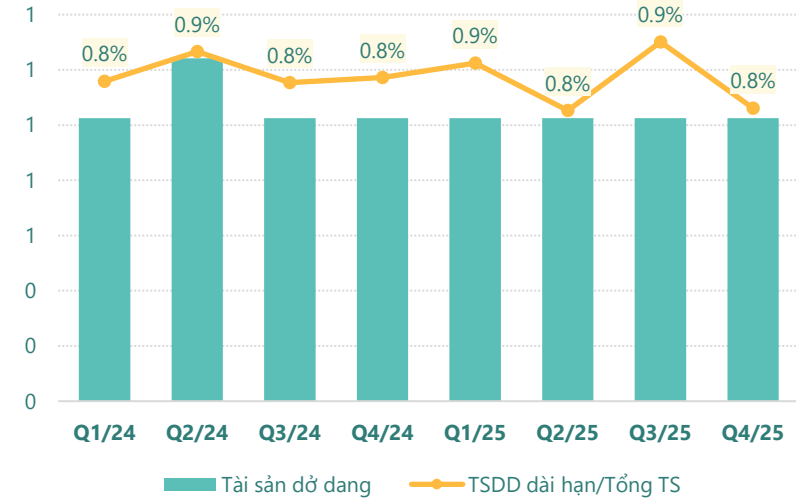
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

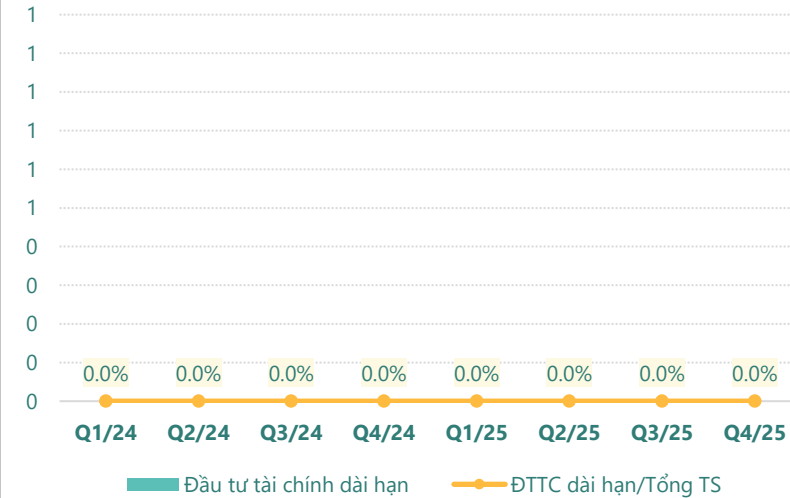
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

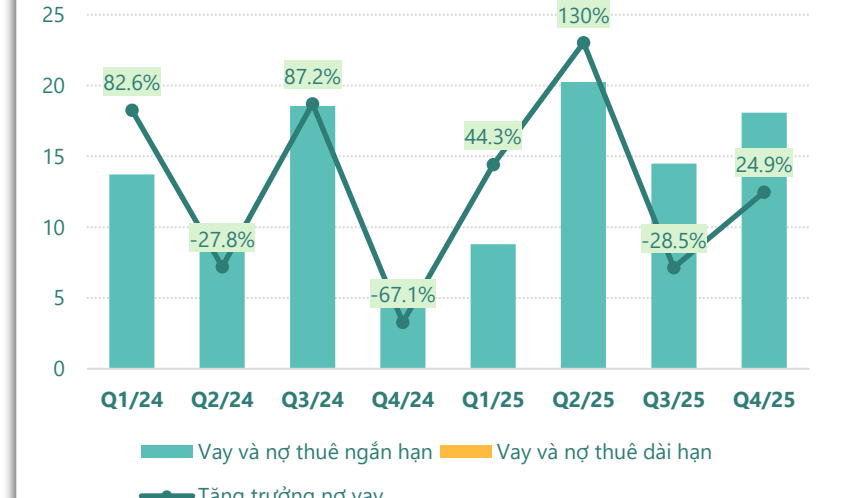
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

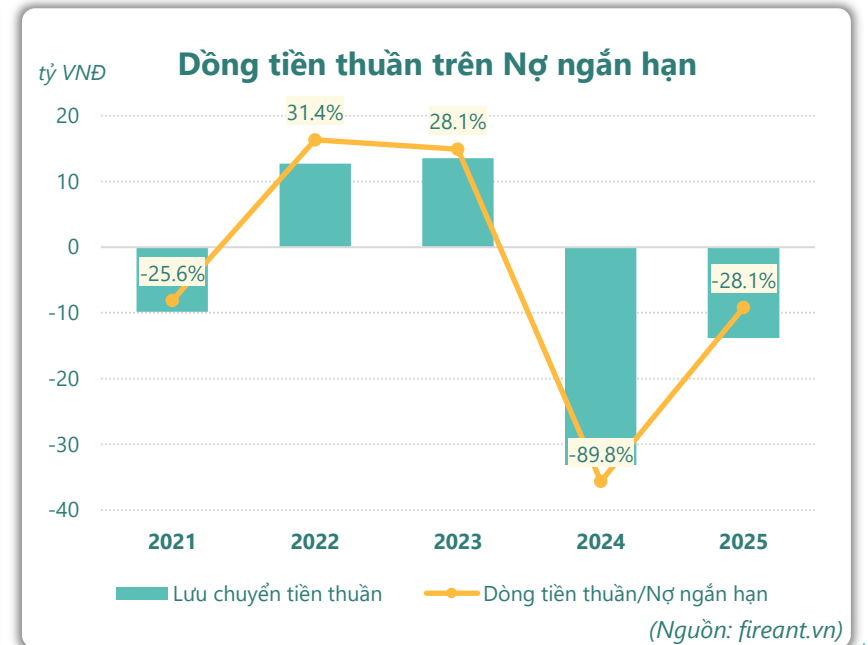
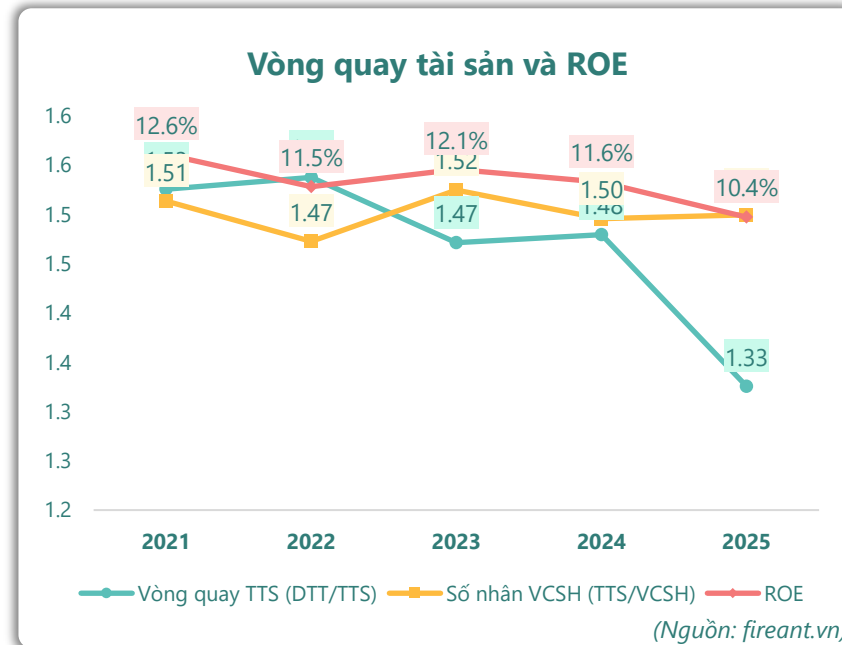
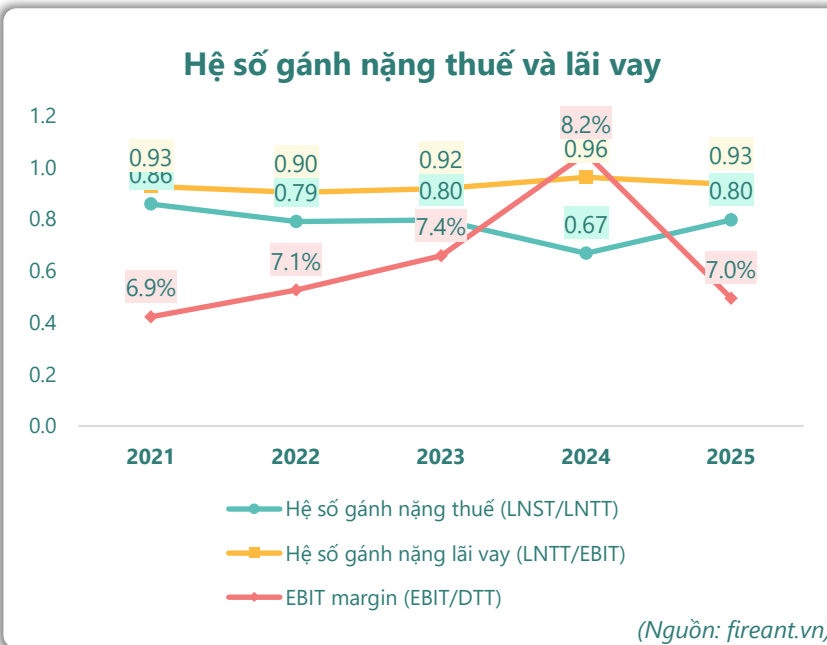
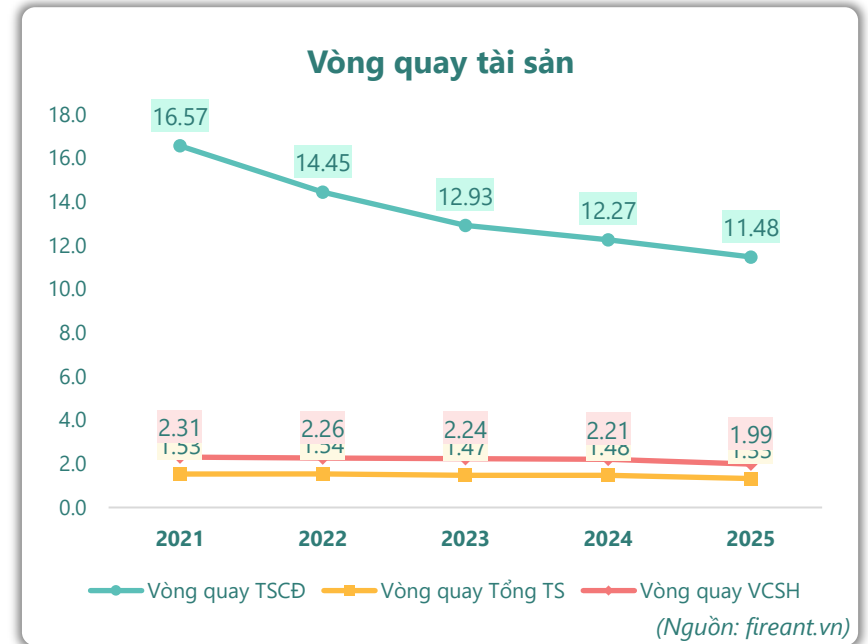
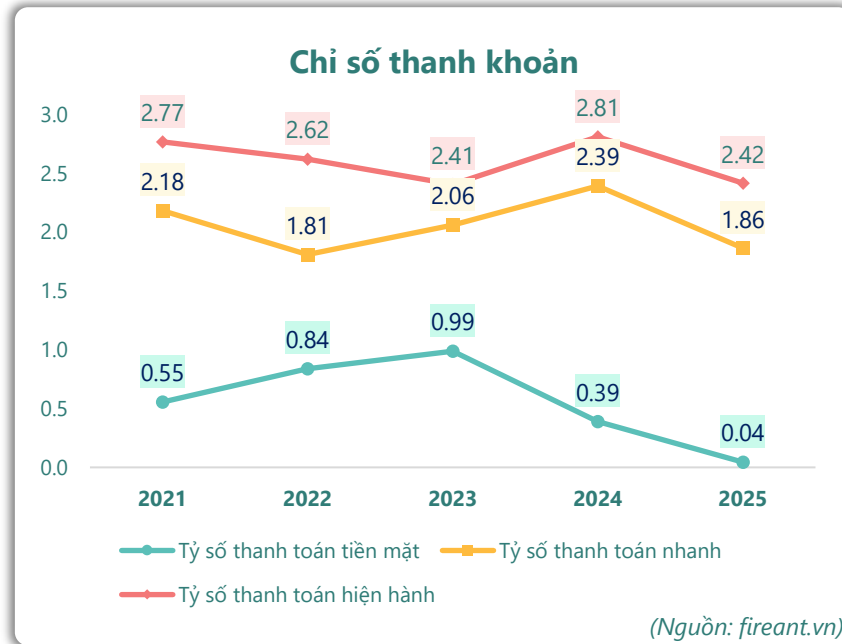
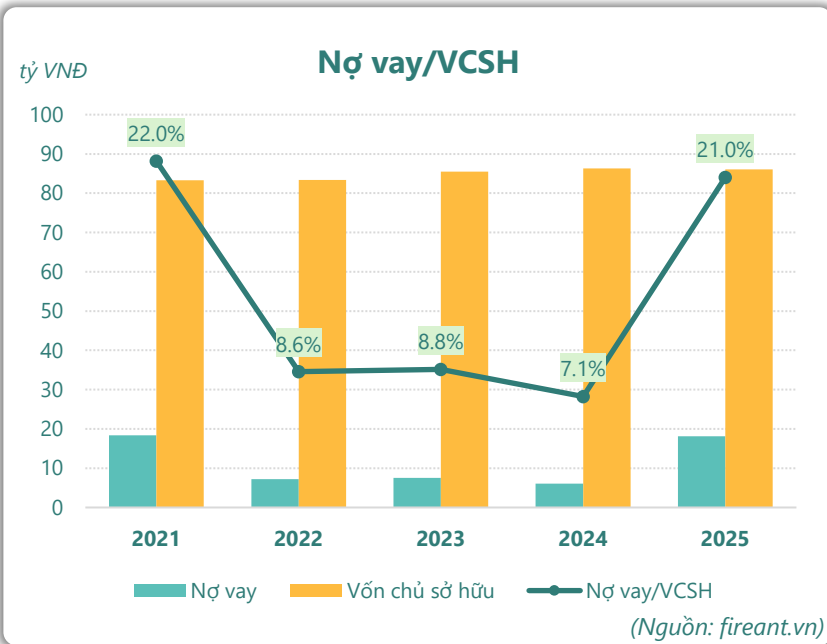
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	80.1	83.7	-4.3%	171	190	-9.8%
Giá vốn hàng bán	68.8	74.6	-7.7%	133	148	-10.1%
Lợi nhuận gộp	11.2	9.10	23.4%	37.9	41.5	-8.8%
Doanh thu HĐTC	0.99	1.39	-28.5%	4.23	4.24	-0.3%
Chi phí TC	1.24	2.19	-43.6%	4.07	4.55	-10.5%
Chi phí lãi vay	0.23	0.20	17.4%	0.79	0.60	32.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.45	4.74	-6.2%	14.7	15.1	-2.2%
Chi phí QLDN	3.25	3.05	6.5%	12.5	12.1	3.1%
LN thuần từ HĐKD	3.29	0.51	546%	10.8	14.1	-23.1%
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.09	27.2%	0.40	0.88	-54.4%
LN trước thuế	3.23	0.42	669%	11.2	15.0	-24.9%
Lợi nhuận sau thuế	2.58	0.34	660%	8.96	10.0	-10.4%
LNST của CĐ cty mẹ	2.58	0.34	660%	8.96	10.0	-10.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.8	20.6	-10.3	-12.5	-4.63	-9.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.7	-1.91	2.84	3.71	6.87	5.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.30	-12.5	2.70	11.5	-13.1	3.60
Tiền đầu kỳ	20.6	11.3	14.4	10.1	13.4	2.74
Lưu chuyển tiền thuần	-9.83	6.19	-4.72	2.63	-10.9	-0.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0.44	0	0.36	0.72	0.19	0.30
Tiền cuối kỳ	11.3	17.4	10.1	13.4	2.74	2.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	135	123	9.8%
Tài sản ngắn hạn	119	104	14.4%
Tiền và tương đương tiền	2.19	14.4	-84.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.0	48.0	-22.9%
Phải thu ngắn hạn	52.2	25.7	103%
Hàng tồn kho	27.2	15.4	75.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	0.21	7.7%
Tài sản dài hạn	16.4	19.4	-15.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	13.6	16.3	-16.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.02	1.02	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.86	2.09	-11.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	49.2	36.9	33.2%
Nợ ngắn hạn	49.2	36.9	33.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.1	6.09	197%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.9	9.19	50.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	86.1	86.3	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	86.1	86.3	-0.3%
Vốn điều lệ	43.0	43.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

